

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Kính gửi:.....

Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018 như sau:

1. Thời gian thi; Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Ngày thi đợt 1: Thứ Bảy, ngày 21 tháng 4 và Chủ Nhật, ngày 22 tháng 4 năm 2018.
- Ngày thi đợt 2 (dự kiến): Thứ Bảy, ngày 22 tháng 9 và Chủ Nhật, ngày 23 tháng 9 năm 2018.
- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung 2,0 năm. Riêng các ngành đào tạo tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Y-Dược và một số ngành đào tạo theo định hướng thạc sĩ ứng dụng của một số cơ sở đào tạo có thời gian đào tạo 1,5 năm.

2. Môn thi tuyển; Chuyên ngành đào tạo; Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

2.1. Các môn thi Cơ bản và Chủ chốt theo ngành đào tạo

Tổng chỉ tiêu dự kiến: 1820 chỉ tiêu.

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu*	Trường ĐH quản lý ngành đào tạo
		Cơ bản	Chủ chốt		
1	Toán Giải tích	Toán giải tích	Đại số	30	Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường Đại học Sư phạm; ĐT. 0208 3855785; Tổng chỉ tiêu: 500.
2	Đại số và lý thuyết số			15	
3	LL&PPDH Bộ môn Toán	Toán cơ sở	LL&PPDH bộ môn Toán	25	
4	Hóa vô cơ	Hóa học vô cơ - hữu cơ	Hóa học cơ sở	15	
5	Hóa phân tích			15	
6	Hóa hữu cơ			15	
7	Di truyền học	Sinh học đại cương	Tế bào - di truyền	15	
8	Sinh học thực nghiệm			15	
9	Sinh thái học			15	
10	LL&PPDH Bộ môn Sinh học			20	
11	LL&PPDH Bộ môn Văn - T. Việt	Văn học	LL&PPDH BM Văn-T.Việt	15	
12	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	40	
13	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ đại cương	15	
14	Lịch sử Việt Nam		Lịch sử Việt Nam	25	
15	Địa lý học (địa lí kinh tế - xã hội)		Địa lý cơ sở	15	
16	Địa lý tự nhiên			15	
17	LL&PPDH Bộ môn Địa lý			10	
18	Quản lý giáo dục		Giáo dục đại cương	90	
19	Giáo dục học			15	
	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)			25	
20	LL&PPDH Bộ môn LL Chính trị		Chủ nghĩa XH khoa học	25	
21	LL&PPDH Bộ môn Vật lý	Toán Vật lí	Vật lý cơ sở	15	Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường Đại học Nông Lâm. ĐT. 0208 3852925; Tổng chỉ tiêu: 449.
22	Vật lý chất rắn			15	
23	Chăn nuôi	Toán cao cấp (CC) thống kê nông nghiệp	Sinh lý động vật	71	
24	Thú y			41	
25	Khoa học cây trồng		Sinh lý thực vật	59	
26	Lâm học		Nguyên lí lâm sinh	38	
27	Quản lý đất đai		Trắc địa	86	

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu*	Trường ĐH quản lý ngành đào tạo
		Cơ bản	Chủ chốt		
28	Khoa học môi trường	Toán cao cấp (CC) thống kê nông nghiệp	Cơ sở Khoa học môi trường	40	
29	Phát triển nông thôn		Ng. lý phát triển nông thôn	64	
30	Công nghệ sinh học		Sinh học phân tử	15	
31	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp	35	
32	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp I	Sức bền vật liệu	32	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp; ĐT. 0208 3847155; Tổng chỉ tiêu: 183.
33	Cơ kỹ thuật		Cơ học lý thuyết	16	
34	Kỹ thuật điện tử		Xử lý tín hiệu số	16	
35	Kỹ thuật viễn thông		Xử lý tín hiệu số	17	
36	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Lý thuyết điều khiển tự động	27	
37	Kỹ thuật điện		Cơ sở kỹ thuật điện	45	
38	Kỹ thuật cơ khí động lực		Lý thuyết ô tô máy kéo	30	
39	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp	30	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị KD. ĐT: 0208 3547653. Tổng chỉ tiêu: 242
40	Quản lý kinh tế		Quản trị học	153	
41	Quản trị kinh doanh			59	
42	Y học dự phòng	Toán CC thống kê	Vì sinh	15	Liên hệ, nộp HS tại Trường ĐH Y-Dược; ĐT. 0208 3858198; Tổng chỉ tiêu: 40.
43	Nội khoa		Sinh lý học	10	
44	Nhi khoa			5	
45	Ngoại khoa		Giải phẫu học	10	
46	Phương pháp toán sơ cấp	Cơ sở lý thuyết hàm số	Đại số	50	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường Đại học Khoa học; ĐT. 0208 3903398 Tổng chỉ tiêu: 240.
47	Toán ứng dụng			30	
48	Công nghệ sinh học	Toán CC thống kê	Sinh học phân tử	20	
49	Hóa phân tích	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết Hóa học	30	
50	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	40	
51	Quang học	Giải tích cho Vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	30	
52	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học Trái đất	Cơ sở quản lý tài nguyên và môi trường	40	
53	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán cho điều khiển	Lý thuyết điều khiển tự động	20	Liên hệ, nộp HS tại Trường ĐH CN thông tin và Truyền thông; ĐT. 0208 3904338; Tổng chỉ tiêu: 86.
54	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	50	
55	Kỹ thuật viễn thông	Xác suất thống kê và quá trình ngẫu nhiên	Thông tin số	16	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Khoa Ngoại ngữ; ĐT. 0208 3648492; Tổng chỉ tiêu: 80.
56	Ngôn ngữ Anh	Lý thuyết ngôn ngữ Anh	Kỹ năng thực hành Tiếng Anh	60	
57	Ngôn ngữ Trung Quốc	Lý thuyết ngôn ngữ Trung Quốc	Kỹ năng thực hành Tiếng Trung Quốc	20	

Ghi chú: * Chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ của các cơ sở giáo dục đại học thành viên là chỉ tiêu dự kiến.

2.2. Môn Tiếng Anh (Tuyển sinh các ngành ghi trong bảng thuộc Mục 2.1, trừ 02 ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ trung Quốc)

a) Thi môn Tiếng Anh theo hình thức thi viết. Mức độ chuẩn kiến thức và dạng thức đề thi được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và phù hợp với đối tượng tuyển sinh của Đại học Thái Nguyên.

b) Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo **toàn thời gian ở nước ngoài** bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (*xem Phụ lục II, Thông tư số 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

2.3. Môn thi Ngoại ngữ (Ngoại ngữ 2) tuyển sinh các chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc

a) Người đăng ký dự tuyển chọn và đăng ký dự thi 01 ngôn ngữ trong các ngôn ngữ sau (không trùng với ngôn ngữ thuộc chuyên ngành dự tuyển): Anh, Trung Quốc, Nga, Pháp.

b) Người có năng lực ngoại ngữ (không trùng với ngôn ngữ chuyên ngành đăng ký dự tuyển) thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Ngoại ngữ 2:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương (*Phụ lục II của Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

3.1. Về văn bằng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng, ngành phù hợp.

- Nếu TNDH ngành đúng/ ngành phù hợp hệ vừa làm vừa học (VLVH), dự tuyển các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH Sư phạm cần có thêm một bằng tốt nghiệp cao đẳng/ THCN hệ chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp.

- Người có bằng TNDH loại hình không chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường ĐH Kinh tế và QTKD, Trường ĐH Khoa học, Trường ĐH Nông Lâm, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp, Khoa Ngoại ngữ.

b) Nếu TNDH ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

c) Nếu TNDH một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học chương trình bổ sung kiến thức (những ngành

TNĐH cụ thể thuộc ngành khác do thủ trưởng CSGDĐHTV đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét quyết định).

d) Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ GD&ĐT công nhận.

3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ **ngay sau** khi tốt nghiệp đại học ghi ở trong bảng dưới đây:

TT	Trường Đại học đào tạo chuyên ngành	Điều kiện được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học	
		Ngành; Loại hình đào tạo	Kết quả - Xếp loại
1	Trường ĐH Sư phạm	Ngành đúng/phù hợp; Chính quy (CQ)	$\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ)
2	Trường ĐH Khoa học	Ngành đúng/phù hợp/ngành gần; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng thứ hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
3	Trường ĐH CNTT và TT	Ngành đúng/ phù hợp; CQ; VLVH; bằng hai	Tốt nghiệp đại học
4	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Ngành đúng/phù hợp/ ngành gần	Tốt nghiệp đại học
5	Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	Ngành đúng/phù hợp/ngành gần; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
6	Trường ĐH Nông Lâm	Ngành đúng/ phù hợp/ngành gần; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
7	Trường ĐH Y - Dược	Ngành đúng/ phù hợp	$\geq 7,0$ (niên chế) $\geq 2,5$ (tín chỉ)
8	Khoa Ngoại ngữ	Ngành đúng/phù hợp; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ)

b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3.3. Điều kiện đăng ký và dự tuyển chuyên ngành Quản lý giáo dục

a) Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học (TNĐH). Trừ người tốt nghiệp đại học ngành đúng, các đối tượng khác phải học chương trình bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung và khối lượng kiến thức học bổ sung cho từng đối tượng dự tuyển do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm quy định).

b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự tuyển: Đối tượng được dự thi ngay sau khi TNĐH quy định bảng trên.

Người TNĐH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và nếu TNĐH ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục, tính từ ngày quyết định phân công công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Đối tượng dự tuyển: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của sở/ phòng GD&ĐT, phòng/ban đào tạo, giáo vụ, quản lý học sinh - sinh viên hoặc một số phòng/ban liên quan khác của các trường ĐH, cao đẳng, THCN và dạy nghề; cán bộ Đoàn từ

ủy viên BCH Chi đoàn, cán bộ Đảng từ ủy viên ban Chi ủy, cán bộ Công đoàn từ ủy viên BCH công đoàn bộ phận trở lên của các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp, các cơ sở đào tạo và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội.

3.4. Điều kiện đăng kí và dự tuyển các chuyên ngành Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh

a) Về văn bằng: Có bằng TNĐH ngành đúng/ phù hợp, hoặc bằng TNĐH thuộc nhóm ngành kinh tế, quản trị, quản lý, hoặc bằng TNĐH ngành khác, đã học xong các học phần bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung, khối lượng học bổ sung do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD quy định).

b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi: Đối tượng được dự tuyển ngay sau khi TNĐH nêu ở bảng trên.

Trường hợp có bằng TNĐH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và có bằng TNĐH ngành khác thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh tính từ ngày ký hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự thi. Những người đăng kí dự tuyển phải đang làm việc trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, thuộc một trong các vị trí: lãnh đạo, chuyên viên hoặc các chức danh tương đương của các phòng/ sở/ ban/ ngành, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội.

3.5. Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận.

a) Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, thủ trưởng CSGDĐHTV tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

b) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

(i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của CQ có thẩm quyền); (ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; (iii) Con liệt sĩ; (iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; (v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; (vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

4.2. Mức ưu tiên

Thí sinh diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) điểm vào kết quả thi môn Cơ bản.

5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người có nguyện vọng dự tuyển liên hệ với trường đại học đào tạo chuyên ngành (ghi ở mục 2.1) để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Kê khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ, nộp đúng thời hạn; Tham gia lớp học bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải học). Trong và sau kì thi tuyển, ĐH Thái Nguyên không nhận bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của Hồ sơ đăng ký dự tuyển. Cụ thể:

- Tuyển sinh đợt 1, nhận hồ sơ từ ngày 10/12/2017 đến hết ngày 20/3/2018.
- Tuyển sinh đợt 2, nhận hồ sơ từ ngày 20/5/2018 đến hết ngày 20/8/2018.
- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Học phí: Học viên thạc sĩ phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin tuyển sinh có trên các website: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Các CSGDDHTV;
- Website ĐHTN, SDH;
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Hữu Công